

Shell Rimula MV

Dầu động cơ Diesel chịu tải nặng chất lượng cao



Shell Rimula MV là dầu bôi trơn động cơ diesel công nghệ mới nhất được pha chế để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các hãng động cơ diesel cao cấp sử dụng trong các ngành xây dựng, mỏ, và khai thác. Dầu đặc biệt phù hợp để sử dụng cho các động cơ Caterpillar, Cummins, MTU.

Sử dụng,

● Các thiết bị trên công trường.

Rimula MV bảo vệ tuyệt hảo các động cơ diesel tải nặng trên các thiết bị công trường khắc nghiệt, đáp ứng những yêu cầu tính năng mới nhất của Caterpillar, Cummins, MTU.

● Động cơ có kiểm soát khí xả

Trong công thức tiên tiến pha chế cho dầu bôi trơn động cơ Rimula MV có tăng cường tính năng bảo vệ các động cơ ít khí xả mới nhất theo Euro 3 / US 2002. Sử dụng thích hợp cho các động cơ lắp bộ lọc cặn rắn nơi mà dầu bôi trơn động cơ diesel cao cấp tính năng siêu hạng thường có độ tro cao có thể gây ra tắc lọc.

Ưu điểm kỹ thuật

● Tăng cường tính năng và bảo vệ tối ưu

Tăng cường tính năng cho các động cơ diesel thế hệ mới nhất, và nâng cao khả năng chống mài mòn, ổn định độ nhớt và chống oxy hóa so với các loại dầu hiện tại theo tiêu chuẩn CH-4 hoặc CH-4 hoặc ACEA-E3.

● Kéo dài tuổi thọ động cơ – tăng chu kỳ thay dầu

Nhờ khả năng chống mài mòn lâu dài trong điều kiện hoạt động khắc nghiệt nhất của mọi loại động cơ.

Tiêu chuẩn kỹ thuật

API	-	CI-4/CH-4/CG-4/CF-4/CF
ACEA	-	E3
Caterpillar	-	ECF-1a, ECF-2
Cummins	-	CES 20071, 72, 78
Mack Truck	-	EO-M Plus
MTU	-	Type 2 approved
All engines	-	-

Sức Khỏe và An Toàn

Shell Rimula MV không gây nguy hại nào đáng kể cho sức khỏe và an toàn khi sử dụng đúng qui định, tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp và cá nhân được tuân thủ. Tránh tiếp xúc với da. Sử dụng găng tay không thấm nước và với dầu đã sử dụng. Sau khi tiếp xúc với da, rửa ngay lập tức với xà phòng và nước.

Để có thêm hướng dẫn về sức khỏe và an toàn, tham khảo thêm phiếu dữ liệu an toàn sản phẩm Shell tương ứng.

Tính chất lý học điển hình

Shell Rimula MV		15W-40
Độ nhớt theo SAE		15W-40
Độ nhớt động học , cSt ở 40 °C 100 °C (ASTM D 445)	ASTM D 445	111 14.63
Độ nhớt động lực học , ở -20 °C mPa*s	ASTM D 2602	6343
Chỉ số độ nhớt (ISO 2909)	ISO 2909	135
Tỉ trọng ở 15°C, kg/m ³ (ASTM D 4052)	ASTM D 4052	886
Điểm chớp cháy hở, °C (ISO 2592)	ISO 2592	230
Điểm rót chảy , °C (ISO 3016)	ISO 3016	-39

Các tính chất này đặc trưng cho sản phẩm hiện hành, Những sản phẩm trong tương lai của Shell có thể thay đổi chút ít cho phù hợp theo quy cách mới của Shell.